TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 580/2022/DS-PT
Ngày: 29-8-2022
Về việc kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2021/TLPT-DS ngày 15/3/2021 về "Kiện đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1258/2022/QĐPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1968; Địa chỉ cư trú: 4 Ravens Wood Walk Cairn Lea. Vic 3023 Australia (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Anh T, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: 23/3, khóm 3, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 25/02/2019, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Anh T, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Anh Thư, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: 365A/21,ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ tạm trú tại: Ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Cụ Nguyễn Thị H, sinh năm 1931

3. Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1970

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965

5. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Hòa Thuận, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (cùng vắng mặt).

- *Người kháng cáo:*

1. Ông Phạm Văn H là nguyên đơn;

2. Ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2019 nguyên đơn ông Phạm Văn H và các lời khai tiếp theo của người được nguyên đơn ủy quyền là chị Nguyễn Anh T trình bày:

Năm 2008 ông Phạm Văn H có cho Bà Phạm Thị T mượn 03 lượng vàng 24k 9999 để mua đất. Ngày 09/9/2008 Bà Phạm Thị T có lập tờ cam kết trả nợ. Đến năm 2011 nhà của Bà Phạm Thị T bị hư hỏng nên ông Phạm Văn H tiếp tục cho Bà Phạm Thị T mượn 15 lượng vàng SJC để Bà Phạm Thị T xây dựng căn nhà một trệt một lầu trên thửa đất số 414 do Bà Phạm Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tạiấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long để ở. Ngày 24/4/2010 Bà Phạm Thị T lập tờ cam kết và có ký tên nội dung "Vào ngày 24/4/2010 anh tôi tên Phạm Văn H sinh năm 1968, CMND số: 331151978 đã tiến hành xây cho riêng tôi một căn nhà diện tích 4,3m x 21m tổng diện tích 90,3m^2. Kết cấu nhà một trệt một lầu kiên cố chi phí tương đương 15 lượng vàng SJC. Hôm nay, tôi làm cam kết này và hứa với anh tôi tên Phạm Văn H, tôi chỉ sử dụng căn nhà này để ở, không được đập phá hay thay đổi kiến trúc và kết cấu căn nhà. Cũng như không được sang bán hay sang nhượng cho ai với bất cứ hình thức nào. Nếu tôi không thực hiện thì tôi có trách nhiệm trả lại toàn bộ 15 lượng vàng SJC cho anh tôi. Nếu tôi không thực hiện cam kết này, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật". Bà Phạm Thị T không thực hiện đúng các cam kết trên.

Ông Phạm Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T cùng có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền 652.800.000đ tương đương 03 lượng vàng 24k 9999 và 15 lượng vàng SJC.

Bị đơn Bà Phạm Thị T trình bày:

Đối với số nợ 03 lượng vàng 24k 9999 Bà Phạm Thị T có ý kiến như sau: Vào năm 2008 do thiếu nợ Ngân hàng nên cha ruột của bà là ông Phạm Văn Năm có kêu vợ chồng bà xuống cho mượn số tiền 23.000.000đ, ông Năm là người trực tiếp đưa tiền cho vợ chồng bà, thời điểm này ông Phạm Văn H từ trong nhà ra kêu bà ký tên vào giấy nhận nợ do ông Phạm Văn H soạn sẵn có nội dung bà mượn của ông Phạm Văn H 03 lượng vàng 24k 9999 để mua đất, lúc này ông Năm nói ghi biên nhận nợ để chồng bà lo làm ăn chứ sau này sẽ cho vợ chồng bà số tiền 23.000.000đ này. Vào thời gian nào không nhớ chồng bà có

mang tiền trả cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị H do ông Năm đã chết, do không đến nhà bà Nguyễn Thị H nên ông Nguyễn Văn T có đem 23.000.000đ gởi cho bà Lệ nhờ bà Lệ trả cho bà Nguyễn Thị H dùm, lúc bà Lệ đem tiền đưa cho bà Nguyễn Thị H thì thời điểm này bà có mặt nên bà Nguyễn Thị H có cho bà lại 23.000.000đ. Biên nhận nợ (Cam kết vay nợ) ngày 09/9/2008 bà thừa nhận có ký tên nhưng thực chất bà và ông Nguyễn Văn T không có mượn của ông Phạm Văn H 03 lượng vàng 24k 9999.

Đối với 15 lượng vàng SJC Bà Phạm Thị T có ý kiến như sau: Vào năm 2010 ông Phạm Văn H về nước có xin vợ chồng bà một phần đất để cất nhà, nếu đồng ý thì ông Phạm Văn H sẽ cất cho bà 01 căn nhà, do muốn có nhà mới, nên bà mới đồng ý cho ông Phạm Văn H đứng ra cất 02 căn nhà 01 trệt 01 lầu, ông Phạm Văn H sử dụng 01 căn nhà và Bà Phạm Thị T sử dụng 01 căn nhà để ở, hiện nay 02 căn nhà ông Phạm Văn H cất nằm trên đất của bà đứng tên quyền sử dụng đất.

Bà không mượn vàng của ông Phạm Văn H nên không đồng ý trả theo yêu cầu của ông Phạm Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Đối với 15 lượng vàng SJC: Năm 2010 ông Phạm Văn H từ nước ngoài về Việt Nam có hỏi vợ chồng ông cho ông Phạm Văn H một nền nhà thì ông Phạm Văn H sẽ cất cho vợ chồng ông 01 căn nhà, vợ ông đồng ý, còn ông thì chỉ đồng ý cho ông Phạm Văn H 01 nền nhà, còn ông Phạm Văn H cất nhà cho vợ chồng ông thì ông không đồng ý do mỗi người có một kiểu thiết kế riêng. Trong lúc đang cất nhà giữa ông và ông Phạm Văn H xảy ra mâu thuẫn, do ông gọi điện thoại cho vợ thì ông Phạm Văn H không cho nghe máy, sau đó ông Phạm Văn H và vợ ông đi thành phố Hồ Chí Minh khoảng 15 ngày và buộc ông phải cho cất nhà. Đối với vật tư xây dựng nhà và kêu thợ làm thì ông Phạm Văn H và ông Tô tự kêu. Sau này giữa ông và vợ ông xảy ra mâu thuẫn nên ông có đập cửa sổ nhà của ông thì bị Công an bắt giữ 01 đêm. Ông không biết việc vay mượn 15 lượng vàng SJC giữa vợ ông là Bà Phạm Thị T và ông Phạm Văn H nên ông không đồng ý trả.

Đối với nợ 03 lượng vàng 24k 9999: Nguyên nhân là do ông có mượn bằng khoán đất của cha vợ ông để vay Ngân hàng. Một thời gian sau cha vợ ông cho mượn 23.000.000đ để trả Ngân hàng. Sau khi cha vợ ông chết, ông có mang 23.000.000đ xuống đưa cho ông Lũy để nhờ trả dùm cho mẹ vợ, nhưng ông Lũy vắng nhà nên ông mới đưa tiền cho bà Lệ (vợ ông Lũy) 23.000.000đ để đưa dùm cho mẹ vợ là bà Nguyễn Thị H. Còn bà Nguyễn Thị H cho tiền lại vợ ông như thế nào ông không biết, nên ông không đồng ý trả.

Tóm lại ông không có nợ nên không đồng ý trả theo yêu cầu của ông Phạm Văn H. Ông xin vắng mặt khi Tòa giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L trình bày:

Trước khi ông Nguyễn Văn T đem tiền xuống nhà ông thì Bà Phạm Thị T có điện thoại cho ông nói "Khi nào anh Thôi đem tiền xuống thì nhận dùm em,

sáng hôm sau em lấy", sau đó ông đi vườn tưới cây nên ông có dặn vợ là bà Lệ nhận tiền của ông Nguyễn Văn T, bà Lệ nhận của ông Nguyễn Văn T 23.000.000đ. Sáng hôm sau ông và bà Lệ đi qua nhà của mẹ là bà Nguyễn Thị H gặp Bà Phạm Thị T thì ông đưa tiền cho bà Lệ và bà Lệ đưa cho Bà Phạm Thị T 23.000.000đ và nói tiền của Thôi gởi. Ông không biết việc cho mượn vàng hay tiền giữa ông Phạm Văn H và Bà Phạm Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Đối với số tiền 23.000.000đ là do bà Lệ (vợ ông Lũy) đem qua nhà bà, lúc này ông Lũy cản không cho đưa tiền cho bà vì sợ bà già lụm cụm, nên bà Lệ đưa cho Bà Phạm Thị T 23.000.000đ, lúc này bà có nói cho Bà Phạm Thị T 23.000.000đ. Do cao tuổi nên bà xin vắng mặt khi Tòa giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Văn T trình bày:

Năm 2006 ông Năm đứng vay dùm vợ chồng Bà Phạm Thị T 65.000.000đ để Bà Phạm Thị T mua đất. Sau đó Bà Phạm Thị T không có tiền trả vốn và lãi cho Ngân hàng nên ông Phạm Văn H từ nước ngoài gọi điện thoại về kêu ông cho Bà Phạm Thị T mượn 03 lượng vàng 24k 9999 vì ông Phạm Văn H có giao cho ông giữ 03 lượng vàng 24k 9999 để lo hậu sự cho cha là ông Năm khi trăm tuổi già. Lúc này ông có trực tiếp đem 03 lượng vàng 24k bán tại tiệm vàng Hưng Long, chợ Vĩnh Long bằng số tiền 24.000.000đ và ông Trực tiếp đem tiền trả cho Ngân hàng tại Hòa Ninh.

Còn việc Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T ký biên nhận nợ ông Phạm Văn H 03 lượng vàng 24k 9999 thì ông không biết. Còn đối với số vàng 15 lượng SJC ông không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Trước khi ông Nguyễn Văn T đem tiền xuống nhà bà thì Bà Phạm Thị T có điện thoại cho chồng bà là ông Lũy và nói "Khi nào anh Thôi đem tiền xuống nhận dùm em, sáng hôm sau em lấy", sau đó chồng bà kêu bà ở nhà nhận tiền dùm. Ông Nguyễn Văn T có đến nhà đưa tiền và nói nhờ anh Tư (chồng bà) trả dùm ba với má. Qua ngày hôm sau bà qua nhà má chồng và đưa tiền cho Bà Phạm Thị T 23.000.000đ và nói tiền của ông Nguyễn Văn T gởi. Sở dĩ bà đưa tiền cho Bà Phạm Thị T vì chồng bà kêu đưa cho Bà Phạm Thị T nên bà nghe, nội dung tiền gì bà không biết. Bà xin vắng mặt khi Tòa giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Áp dụng Điều 26, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H.

Buộc Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả ông Phạm Văn H 03 (ba) lượng vàng 24k 9999.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn H đòi Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T trả 15 lượng vàng SJC.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2020, bà Nguyễn Anh T là người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn H (là nguyên đơn) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Bà Thy đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông 15 lượng vàng SJC.

Ngày 28/10/2020, ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 30/10/2020, ông Phạm Văn H là nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Ông Phạm Văn H đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông 15 lượng vàng SJC.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Anh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện. Bà Thy và ông Nguyễn Văn T không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Các đương sự khác vắng mặt tại phiên toà nên không thể hiện ý kiến. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận các đương sự trình bày như sau:

Bà Nguyễn Anh T và Luật sư Phạm Anh T: Tờ cam kết ngày 24/4/2011 có nội dung Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T mượn của ông Phạm Văn H 15 lượng vàng. Bà Phạm Thị T thừa nhận tiền xây dựng nhà là từ 15 lượng vàng mượn của ông Phạm Văn H. Do ông Nguyễn Văn T đập phá căn nhà và trên thực tế Bà Phạm Thị T cũng không ở tại căn nhà này là vi phạm cam kết đã thoả thuận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T phải trả lại cho ông Phạm Văn H 15 lượng vàng.

Ông Nguyễn Văn T: Ông và Bà Phạm Thị T có vay tiền của Ngân hàng để mua đất, cất căn nhà (đang tranh chấp). Sau đó, vợ chồng ông có mượn của cha vợ 23.000.000 đồng để trả cho Ngân hàng. Việc vay không làm giấy tờ và năm 2017-2018 vợ chồng ông đã trả lại cho cha vợ, việc trả tiền cũng không làm giấy tờ nhưng có người làm chứng. Ông không biết việc Bà Phạm Thị T vay 03 lượng vàng của ông Phạm Văn H. Ông và Bà Phạm Thị T không còn sống chung nhưng chưa li hôn. Nay ông không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọc phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về tính có căn cứ và hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các ông Phạm Văn H và Nguyễn Văn T làm trong thời hạn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng. Tại giấy cam kết ngày 09/9/2008, Bà Phạm Thị T cam kết có vay của ông Phạm Văn H 03 lượng vàng để mua đất, cất căn nhà mà vợ chồng bà đang ở nên bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn T, Bà Phạm Thị T trả số vàng này là có căn cứ. Phía ông Phạm Văn H không chứng minh được có cho Bà Phạm Thị T mượn 15 lượng vàng, nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông Phạm Văn H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn H, ông Nguyễn Văn T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Anh T (là người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn H), ông Nguyễn Văn T làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Thy đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Thy nhận thấy:

[2.1] Bà Phạm Thị T thừa nhận có ký vào Tờ cam kết vay nợ ngày 09/9/2008. Tờ cam kết này có nội dung *"Năm 2006, tôi có mượn của anh tôi: Phạm Văn H, sinh năm 1968, CMND số: 331151978, nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long 03 lượng vàng 24k 9999 (Ba lượng vàng 24k 9999) để mua 1.598,4m^2 đất của bà Lê Thị Bơi cùng địa chỉ: Số 365A/21,ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Tôi hứa khi nào anh Hiệp cần thì tôi hoàn trả ba lượng vàng nói trên cho anh Hiệp (không tính lãi). Nếu như tôi không thực hiện đúng cam kết này, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật "*. Việc Bà Phạm Thị T vay vàng của ông Phạm Văn H sử dụng vào mục đích mua đất là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T. Nên bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn T và Bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn H 03 lượng vàng 24k 9999 là có căn cứ.

[2.2] Căn cứ để ông Phạm Văn H yêu cầu Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông Phạm Văn H 15 lượng vàng SJC là tờ cam kết ngày 24/4/2011 của Bà Phạm Thị T, có nội dung *"Vào ngày 24/4/2010 anh tôi tên Phạm Văn H sinh năm 1968, CMND số: 331151978 đã tiến hành xây cho riêng tôi một căn nhà diện tích 4,3m x 21m tổng diện tích 90,3m^2. Kết cấu nhà một trệt một lầu kiên cố chi phí tương đương 15 lượng vàng SJC. Hôm nay, tôi làm cam kết này và hứa với anh tôi tên Phạm Văn H, tôi chỉ dùng căn nhà này để ở,*

không được đập phá hay thay đổi kiến trúc và kết cấu căn nhà. Cũng như không được sang bán hay sang nhượng cho ai với bất cứ hình thức nào. Nếu tôi không thực hiện thì tôi có trách nhiệm trả lại toàn bộ 15 lượng vàng SJC cho anh tôi. Nếu tôi không thực hiện cam kết này, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật". Ông Phạm Văn H không chứng minh được Bà Phạm Thị T có hành vi đập phá, thay đổi kiến trúc và kết cấu căn nhà; không chứng minh được Bà Phạm Thị T hành vi chuyển nhượng căn nhà cho người khác mà chỉ cho rằng ông Nguyễn Văn T chồng Bà Phạm Thị T có hành vi đập phá căn nhà để yêu cầu ông Nguyễn Văn T và Bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả lại cho ông Phạm Văn H 15 lượng vàng SJC là không có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn T, Bà Phạm Thị T trả cho ông Phạm Văn H 03 lượng vàng 24kara; không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn H về việc buộc Bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn T trả cho ông Phạm Văn H 15 lượng vàng SJC là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bà Thy, ông Nguyễn Văn T không xuất trình được chứng cứ nào mới. Do đó, kháng cáo của ông Phạm Văn H, ông Nguyễn Văn T là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Văn H, ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của các ông Phạm Văn H và Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 29/8/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 26, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H.

Buộc Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả ông Phạm Văn H 03 (ba) lượng vàng 24kara 9999.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H, về việc buộc Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T trả 15 lượng vàng SJC.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn H, ông Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 3237 ngày 12/11/2020, 3211 ngày 29/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Phạm Văn H, ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ số tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu VP(3), HS(2). 18b, HQ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Văn Khoa